

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-PT

Ngày 24-10-2017

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Chế Linh

2/ Bà Võ Phương Nhi

- Thư ký Tòa án: Bà Phan Diễm Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Giang Thị Kim Ngữ – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc "Tranh chấp xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Anh D, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực H, phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị Lê Kim P, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực H, phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng:

1/ NLC1

2/ NLC2

3/ NLC3

4/ NLC4

5/ NLC5

Cùng địa chỉ: khu vực H, phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bị đơn – Chị Lê Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng tháng 8 năm 2014, anh D và chị P quen biết nhau, sau đó hai người tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận O vào ngày 12/3/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, đến khoảng tháng 3/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc mẹ ruột của anh là bà The có hỏi mượn vàng cưới của vợ chồng anh, nhưng chị P không cho, mà còn có những lời lẽ thiếu tôn trọng đối với gia đình anh. Mặt khác, chị P thường bỏ đi về bên mẹ ruột sống, anh có nhiều lần khuyên chị về, nhưng chị P không đồng ý, từ đó mà vợ chồng đã ly thân, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay anh cảm thấy cuộc sống giữa anh và chị P không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân của anh không đạt được, vì vậy, anh quyết định ly hôn.

Về con chung và nợ chung: anh D khai nhận không có.

Về tài sản chung: Anh D khai nhận, ngày lễ Đính hôn (lễ Ăn hỏi) cha mẹ của anh có cho vợ chồng anh 03 lượng vàng 24K (99,99%), gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 chiếc lắc 01 lượng, 01 chiếc kiềng 05 chỉ, 01 dây chuyền 01 lượng và 01 chiếc vòng 04 chỉ. Nay anh D yêu cầu chia đôi số vàng trên.

Bị đơn trình bày:

Chị P thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung như anh D trình bày. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn chị cũng thống nhất là xuất phát từ việc mẹ chồng mượn vàng cưới, nhưng chị nghĩ mẹ chồng yêu cầu chị đưa vàng là để trả nợ cho anh D. Chị cho rằng số nợ do anh D gây ra trước khi đám cưới thì anh D phải tự chịu. Mẹ chồng yêu cầu chị có trách nhiệm trả nợ chung là không hợp lý nên chị không đồng ý đưa vàng cho mẹ chồng mượn. Từ đó, dẫn đến giữa chị, mẹ chồng và anh D xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, do anh D thường hay chơi game, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nay anh D yêu cầu ly hôn chị cũng chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị thừa nhận tại lễ nói, cha mẹ chồng có cho chị tổng cộng 30 chỉ vàng 24K như anh D trình bày. Tuy nhiên, số tài sản trên là tài sản riêng của chị. Bởi lẽ, tại ngày lễ Đính hôn, đại diện họ nhà trai ông Lê Văn Út có trình bày là cho riêng cô dâu. Hơn nữa, thời điểm đó chị và anh D chưa đăng ký kết hôn, nên về mặt pháp luật anh D và chị chưa phải là vợ chồng. Do đó, số tài sản trên là của chị có được trước thời kỳ hôn nhân, là tài riêng của chị.

Những người làm chứng trình bày:

NLC3 (đại diện nhà trai): Ngay ngày Lễ nói (lễ Đính hôn) của anh D và chị P, ông có trình với nhà gái là nhà trai cho cô dâu và chú rể tổng cộng là 30 chỉ vàng 24K. Theo quan điểm của ông thì đây là tài sản chung của vợ chồng.

NLC2 (đại diện nhà gái): Ngay ngày Lễ nói của anh D và chị P, ông có chứng kiến ông Lê Văn Út đại diện cho nhà trai trình với nhà gái là nhà trai cho cô dâu là 30 chỉ vàng 24K. Theo ông thì đây là tài sản riêng của cô dâu.

NLC1 (Trưởng khu vực Thới Hòa): Theo tập quán thì Lễ nói hay cưới, nhà trai có cho cô dâu vàng cưới, sau khi đám cưới thì vợ chồng tự quyết định số tài sản đó.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử.

Tại bản án sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh Ngô Anh D được ly hôn với chị Lê Kim P.

Về con chung, nợ chung: Anh D, chị P xác định không có, nên không xem xét và giải quyết.

Về tài sản chung:

Chị P được quyền sở hữu toàn bộ số tài sản chung 30 chỉ vàng 24K, số vàng này chị P đang quản lý.

Chị P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh D số tiền **49.300.000** đồng (*Bốn mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*). Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 21/8/2017, bị đơn – chị Lê Kim P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý chia đôi số vàng cưới cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Kim P. Tuy nhiên, đối với số vàng cưới là tài sản chung của hai vợ chồng là 30 chỉ vàng 24K anh chỉ yêu cầu chia đôi 29 chỉ vàng, còn đôi bông tai 01 chỉ anh đồng ý giao cho chị P giữ. Còn vấn đề nhận vàng hay nhận tiền anh không yêu cầu mà để Hội đồng xét xử quyết định.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Không đồng ý chia đôi số vàng cưới 30 chỉ vàng 24K, chỉ cho rằng đây là tài sản riêng của chị, nguyên đơn không có quyền quyết định đối với số vàng này. Bởi vì, trong lễ hỏi nhà trai trình bày cho riêng cô dâu. Hơn nữa, tại thời điểm đó chị và anh D chưa đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật anh chị chưa phải là vợ chồng nên số tài sản này là của chị có được trước thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, hiện tại số vàng này không còn, chị đã bán hết để tiêu xài cá nhân, tài sản không còn thì không thể chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ về hình thức.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để nhận định số vàng cưới 30 chỉ vàng 24K là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ. Bởi lẽ, tài sản trên được cha mẹ anh D cho chung hai vợ chồng trong lễ đính hôn để làm của cải xây dựng hạnh phúc gia đình về sau. Đồng thời, theo phong tục tập quán của người Việt Nam thì kể từ ngày ăn hỏi anh D và chị P được mọi người công nhận đã là vợ chồng nên tài sản này mặc nhiên là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản chung là 30 chỉ vàng 24K cho chị P quản lý và buộc chị P có nghĩa vụ hoàn trả cho anh D số tiền 49.300.000 đồng là chưa hợp lý. Bởi lẽ, vàng là tài sản có giá không ổn định, giá cả tăng giảm thất thường, nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm phần tài sản chung. Đồng thời, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn do không có cơ sở. Buộc chị P có nghĩa vụ trả lại cho anh D số vàng 14,5 chỉ vàng 24K.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, vị đại diện Viện kiểm sát. Sau khi tranh luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Ngô Anh D và chị Lê Kim P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên xem đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn nên anh D có đơn yêu cầu ly hôn. Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, chị P kháng cáo trong hạn luật, đóng tạm ứng kháng cáo đầy đủ nên được xem là kháng cáo hợp lệ về hình thức.

[2] Qua xem xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Anh D và chị P quen biết nhau qua mai mối và tiến đến làm lễ đính hôn vào khoảng tháng 8 năm 2014 (Âm lịch), đến ngày 12/3/2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận O, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

Về con chung và nợ chung: Anh chị đều thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự thừa nhận, trong lễ đính hôn nhà trai có cho nhà gái 30 chỉ vàng 24K (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 chiếc lắc tay 10 chỉ, 01 chiếc kiềng 05 chỉ, 01 dây chuyền 10 chỉ và 01 chiếc vòng 04 chỉ) và tiền chợ 30.000.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giao cho chị P giữ đôi bông tai 01 chỉ và yêu cầu được chia đôi số vàng 29 chỉ còn lại. Bị đơn không đồng ý chia đôi tài sản này vì cho rằng đây là tài sản riêng nhà trai cho riêng cô dâu, anh D không có quyền quyết định đối với số vàng này.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Đối với số vàng 30 chỉ vàng 24K: Đây là số vàng gia đình anh D cho chị P trong ngày đính hôn nên được xem là tài sản chung của vợ chồng. Chị P cho rằng vì nhà trai trình tại lễ hỏi là cho cô dâu và tại thời điểm nhà trai cho vàng thì anh D và chị P chưa đăng ký kết hôn nên đây là tài sản riêng của chị có được trước thời kỳ hôn nhân là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo phong tục tập quán đã có từ trước đến nay thì kể từ ngày tổ chức lễ đính hôn (lễ hỏi) trở về sau (mặc dù có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật hay chưa) thì mặc nhiên cô dâu chú rể trong lễ hỏi sẽ được mọi người công nhận là vợ chồng, trường hợp anh D và chị P cũng không ngoại lệ.

Như vậy, kể từ khi tổ chức lễ hỏi, anh D và chị P đã là vợ chồng nên tài sản tranh chấp mặc dù đều là nữ trang cho cô dâu, nhưng phải hiểu đây là tài sản mà cha mẹ cho chung hai vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình về sau. Cấp sơ thẩm xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng và chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với lời trình bày của người làm chứng chỉ mang tính chất tham khảo vì việc xác định và phân chia tài sản chung phải áp dụng và tuân thủ đúng quy định pháp luật, không thể dựa vào lời trình bày hay yêu cầu của cá nhân nào. Chị P cho rằng 30 chỉ vàng 24K là tài sản riêng của chị nhưng không đưa ra được chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D đồng ý giao cho chị P giữ 01 đôi bông tai 01 chỉ là tài sản chung của hai vợ chồng, anh chỉ yêu cầu chia đôi số vàng 29 chỉ còn lại. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Cấp sơ thẩm áp dụng giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.400.000 đồng/chỉ, các đương sự thống nhất và không kháng cáo đối với phần này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ tiếp tục áp dụng mức giá này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đồng thời sửa án sơ thẩm đối với phần tài sản chung vì cho rằng cấp sơ thẩm buộc bị đơn hoàn giá trị từ vàng ra tiền để trả lại cho nguyên đơn là không hợp lý. Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận, cần sửa lại phần tuyên án là buộc chị P phải trả lại cho nguyên đơn số vàng chứ không trả lại tiền như án sơ thẩm đã tuyên.

Việc sửa cách tuyên này cấp sơ thẩm không có lỗi mà do các đương sự tự điều chỉnh và quy đổi với nhau nên việc sửa án là khách quan.

Từ những phân tích trên, thấy rằng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lê Kim P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 28, 35, 37, 39, 45 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 33 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh Ngô Anh D được ly hôn với chị Lê Kim P.

2/ Về quan hệ con chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Chị Lê Kim P có trách nhiệm giao lại cho anh Ngô Anh D 14,5 (Mười bốn phẩy năm) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang) khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí sơ thẩm:

- Anh Ngô Anh D phải chịu án phí tổng cộng **2.765.000** đồng (Hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp **1.537.500** đồng theo biên lai thu số 001303 ngày 12/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ; anh D còn phải nộp thêm **1.227.500** đồng (Một triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Kim P phải chịu **2.635.000** đồng (Hai triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Chị Lê Kim P phải chịu **300.000** đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001375 ngày 22/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Ô Môn;
- Chi cục THA quận Ô Môn;
- Lưu (HS - 2b).

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hải

